

# **QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC Ở HỒNG KÔNG VÀ BÀI HỌC THAM KHẢO ĐỂ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM**

**Trần Thanh Hương**

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,*

*Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*

*Tác giả liên hệ: huongpalawan@gmail.com*

## **Lịch sử bài báo**

*Ngày nhận: 30/6/2020; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/10/2020; Ngày duyệt đăng: 19/11/2020*

## **Tóm tắt**

*Chất lượng giáo dục luôn là một trong những yếu tố quyết định đến vị thế và sự sống còn của các cơ sở đào tạo trong bối cảnh toàn cầu hóa giáo dục đại học. Bằng cách sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp, bài viết phân tích những đặc điểm nổi bật ở quản trị đại học Hồng Kông trong việc thực hiện chiến lược phát triển, kiểm soát chất lượng trong đào tạo để khẳng định chất lượng quốc tế. Kinh nghiệm này là nguồn tham khảo giá trị để phát triển giáo dục đại học Việt nam hiện nay.*

**Từ khóa:** *Chất lượng đào tạo, giáo dục đại học Hồng Kông, quản trị đại học.*

---

# **HONG KONG HIGHER EDUCATION ADMINISTRATION AND LESSONS FOR VIETNAM HIGHER EDUCATION DEVELOPMENT**

**Tran Thanh Huong**

*University of Social Sciences and Humanities,*

*Viet Nam National University*

*Corresponding author: huongpalawan@gmail.com*

## **Article history**

*Received: 30/6/2020; Received in revised form: 7/10/2020; Accepted: 19/11/2020*

## **Abstract**

*Education quality is one of the critical factors for educational institutions' prestige and existence in higher education globalization. On secondary data, this paper analytically highlights the success of Hong Kong higher education administration in development strategies and quality controls for its international norms. This success could provide ample lessons for Vietnam higher education.*

**Keywords:** *Higher education administration, Hong Kong higher education, quality of education.*

1. Tổng quan về giáo dục Hồng Kông

Hồng Kông được biết đến là một trong những trung tâm thương mại lâu đời và là thiên đường mua sắm của châu Á, nhắc đến Hồng Kông người ta sẽ liên tưởng đến một thành phố đẳng cấp quốc tế với môi trường tự do kinh doanh và sự sôi động của hoạt động các thương mại. Đây còn là nơi tập trung nhiều điểm vui chơi giải trí nổi tiếng như Disneyland, Ocean Park... hay những tên tuổi lừng danh trong lĩnh vực điện ảnh như Lý Tiểu Long, Thành Long, Trương Mạn Ngọc... Trong lĩnh vực giáo dục, Hồng Kông được biết đến là một trong những nơi có danh tiếng về chất lượng đào tạo trên thế giới. Hệ thống giáo dục được chia thành: 3 năm mẫu giáo (tự nguyện), 6 năm cho bậc phổ thông cơ sở, 3 năm bắt buộc cho bậc trung học. Sau

khi hoàn thành giai đoạn này, học sinh có thể lựa chọn để tiếp tục học thêm 3 năm ở bậc phổ thông cao cấp nhằm lấy bằng trung học (Hong Kong Certificate of Education Examination) trước khi tiếp tục học ở bậc cao đẳng đại học. Cũng giống như một số hệ thống giáo dục trong khu vực, thời gian đào tạo ở cao đẳng, đại học khác nhau tùy thuộc loại chứng chỉ, ngành nghề và trình độ đào tạo.

Uy tín và chất lượng ở các bậc học của giáo dục Hồng Kông được chứng minh qua kết quả đánh giá của quốc tế, điển hình là kỳ thi đánh giá học sinh quốc tế (Programme for International Student Assessments, gọi tắt là PISA), Hồng Kông vượt qua hơn 70 quốc gia tham dự và luôn ở top dẫn đầu, cụ thể thành tích này được tóm tắt qua bảng sau:

Bảng 1. Điểm trung bình của các nước dẫn đầu trong kỳ thi PISA qua các năm

| 2009   |               |                 | 2012   |               |         | 2015   |             |         |
|--------|---------------|-----------------|--------|---------------|---------|--------|-------------|---------|
| Vị trí | Quốc gia      | Điểm trung bình | Vị trí | Quốc gia      | Điểm TB | Vị trí | Quốc gia    | Điểm TB |
| 1      | Shanghai (TQ) | 577             | 1      | Trung Quốc    | 587,6   | 1      | Singapore   | 551,7   |
| 2      | Hồng Kông     | 545,6           | 2      | Singapore     | 555,3   | 2      | Hồng Kông   | 532,7   |
| 3      | Phản Lan      | 543,6           | 3      | Hồng Kông     | 553,6   | 3      | Nhật Bản    | 528,7   |
| 4      | Singapore     | 543,3           | 4      | Hàn Quốc      | 542,6   | 4      | Ma Cao (TQ) | 527,3   |
| 5      | Hàn Quốc      | 541             | 5      | Nhật Bản      | 540,3   | 5      | Estonia     | 524,3   |
| 6      | Nhật Bản      | 529,3           | 6      | Taipei (TQ)   | 535,3   | 6      | Canada      | 523,7   |
| 7      | Canada        | 526,6           | 7      | Phản Lan      | 529,3   | 7      | Đài Loan    | 523,7   |
| 8      | New Zealand   | 524             | 8      | Estonia       | 526     | 8      | Phản Lan    | 522,7   |
| 9      | Taipei (TQ)   | 519,3           | 9      | Liechtenstein | 525,3   | 9      | Hàn Quốc    | 519,0   |
| 10     | Netherlands   | 518,6           | 10     | Ba Lan        | 520,6   | 10     | Trung Quốc  | 514,3   |

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê của tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) trong giai đoạn từ 2009 đến 2015.*

Giáo dục đại học (GDĐH) ở Hồng Kông rất có tiếng ở châu Á, mặc dù khá khiêm tốn về số lượng các trường cao đẳng đại học (chỉ có khoảng 20 trường cao đẳng đại học được đào tạo và cấp chứng chỉ cho người học) nhưng lại là nơi có chất lượng nổi tiếng quốc tế. Theo tiêu

chuẩn đánh giá của Quacquarelli Symonds (QS) về giáo dục ở khu vực, năm 2018 Hồng Kông có 7 trường lọt vào top 100 đại học tốt nhất châu Á (Quacquarelli Symonds, 2018). Năm 2020, theo đánh giá của QS về chất lượng của những trường đại học trẻ (được thành lập dưới 50 năm)

Hồng Kông có 1 trường xếp thứ 2 trên thế giới. Ngoài ra, theo số liệu đánh giá toàn cầu về chất lượng đào tạo đại học thì lãnh thổ này có 2 lọt vào top 50 trường đại học tốt nhất thế giới liên tục trong 3 năm từ 2017 đến 2019 (Times Higher Education, 2017, 2018, 2019), theo tiêu chí của QS khi đánh giá xếp hạng các trường đại học trên thế giới thì năm 2018 Hồng Kông có tới 4 trường lọt vào top 50. Bên cạnh đó, đặc khu này cũng đã đạt được những thành tựu nổi bật trong khoa học như đoạt giải Nobel Vật lý vào năm 1998, giải Nobel Laureate Vật lý vào 2009 của Charles Kao. Những dữ liệu này cho thấy, chất lượng giáo dục của Hồng Kông, đặc biệt là GDĐH không chỉ rất cạnh tranh trong khu vực mà còn rất tiềm năng trong phát triển để bắt kịp với những nền giáo dục uy tín, lâu đời khác trên thế giới.

Những kết quả này cho thấy, uy tín về chất lượng đào tạo và danh tiếng học thuật của Hồng Kông đã được khẳng định một cách vững chắc trong hệ thống giáo dục thế giới, thành công này đã và đang trở thành một trong những tham khảo điển hình cho giáo dục trong khu vực và thế giới. Bằng cách sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp, bài viết trình bày, phân tích những đặc trưng nổi bật trong quản trị đại học ở Hồng Kông trong quá trình xây dựng chất lượng GDĐH để hội nhập và khẳng định vị thế trên toàn cầu.

## **2. Đặc điểm nổi bật trong quản trị đại học ở Hồng Kông**

Chất lượng đào tạo ngày nay không còn gói gọn ở sự công nhận trong phạm vi quốc gia mà còn phải đạt được các tiêu chuẩn quốc tế, định hướng được xu thế này Hồng Kông đã thực hiện cải tiến chất lượng giảng dạy, có cơ chế giám sát để đảm bảo chất lượng dạy học, nghiên cứu, hợp tác quốc tế và chuyển giao tri thức (THE, 2018; QS, 2018) để từng bước khẳng định vị thế của mình với nền giáo dục chung của thế giới. Điều này thể hiện qua các đặc điểm sau:

### **2.1. Gắn liền chiến lược phát triển của đặc khu với xu hướng giáo dục thế giới (think global, go local)**

Là cửa ngõ của hoạt động thương mại - tài

chính lớn nhất trong khu vực và thế giới, từ khi tách ra khỏi Trung Quốc và được nhượng lại cho Anh vào năm 1842, giáo dục là một trong những ưu tiên hàng đầu của chính quyền. Ngay từ những năm 1980, các chính sách giáo dục và nội dung chương trình đào tạo đã được rà soát, điều chỉnh toàn diện để thích ứng với đặc điểm và nhu cầu xã hội (Cabau, 2014). Trong những thập niên 90, khủng hoảng kinh tế đã ảnh hưởng sâu sắc đến kinh tế, xã hội của nhiều nước và Hồng Kông cũng không ngoại lệ, sự tác động này khiến cho nguồn ngân sách dành cho giáo dục bị hạn chế và hậu quả GDĐH chỉ đáp ứng được 18% nhu cầu. Trước thực trạng này, các hình thức GDĐH theo định hướng thị trường và tư nhân hóa đã được chủ động mạnh dạn mở rộng, điển hình các trường cao đẳng cộng đồng, trường tư thục được khuyến khích phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của đại chúng. Kết quả đến năm 2013, các hình thức giáo dục này đã đáp ứng được 63% nhu cầu GDĐH của dân số Hồng Kông (World Bank, 2015) và đến nay đã đáp ứng đủ yêu cầu học GDĐH của đại chúng. Tuy nhiên, yếu tố góp phần vào thành công và chất lượng của GDĐH Hồng Kông không chỉ thể hiện qua việc đáp ứng nhu cầu học tập, điều quan trọng hơn là sự đảm bảo chất lượng ở các loại hình đào tạo vốn rất đa dạng này, Hồng Kông đã thiết lập cơ chế kiểm định và đảm bảo chất lượng một cách chặt chẽ. Để duy trì hoạt động đào tạo, các trường phải trải qua những đợt kiểm định được thực hiện bởi các đơn vị hoạt động độc lập, điển hình như Ủy ban Tài trợ Đại học, Ủy ban Đảm bảo chất lượng hay tổ chức Ipsos MORI, chính sự kiểm soát này đã yêu cầu hoạt động ở các trường phải liên tục cải tiến để đáp ứng yêu cầu về chất lượng cũng như sự hài lòng của các bên liên quan.

Những nỗ lực của chính quyền Hồng Kông trong GDĐH không dừng lại ở việc gia tăng số lượng và chất lượng GDĐH nhằm đáp ứng nhu cầu của đại chúng. Ngay từ năm 1996, ý thức được những lợi thế về vị trí và sự năng động của các hoạt động thương mại, xu hướng phát triển và nhu cầu GDĐH của khu vực và thế giới

(Gabau, 2014), Hồng Kông đã đặt mục tiêu trở thành “trung tâm GDĐH của khu vực” và thực hiện đầy mạnh quốc tế hóa giáo dục. Để thực hiện mục tiêu này, Hồng Kông đã ban hành các chính sách, kế hoạch chiến lược và các hành động cụ thể để đẩy mạnh trao đổi học thuật với bên ngoài, điển hình là quy định về chỉ tiêu tuyển sinh ở các trường công phải đạt 20% tỉ lệ sinh viên quốc tế (Yin và cộng sự, 2015), quy định này đã góp phần làm thay đổi rõ rệt kết quả trong thực hiện quốc tế hóa, cụ thể số sinh viên quốc tế đăng ký theo học ở các trường đại học Hồng Kông đã tăng từ 1.239 SV năm 1996-1997 lên 10.770 vào 2011-2012 (William Yat Wai Lo và Felix Sai Kit Ng, 2013), hiện nay đây trở thành điểm thu hút rất nhiều du học sinh quốc tế, các nhà khoa học hàng đầu trên thế giới đến học tập, nghiên cứu và trao đổi học thuật.

Ngoài những chính sách trong tuyển sinh và cơ chế thu hút các đối tác quốc tế, việc đưa tiếng Anh vào sử dụng như một ngôn ngữ chính trong dạy học đã giúp việc quốc tế hóa giáo dục ở Hồng Kông phát triển bền vững và hội nhập nhanh chóng với thế giới. Môi trường này đã giúp người học được trải nghiệm để phát triển năng lực của công dân toàn cầu, là điều kiện để Hồng Kông mở rộng mạng lưới hợp tác với thế giới, thu hút và đáp ứng các nhu cầu học tập của các đối tượng quốc tế. Số liệu cho thấy, đặc điểm chung của các trường đại học dẫn đầu trên thế giới thường có khoảng 42-65% số giảng viên nước ngoài và 13-35% số sinh viên quốc tế (Quacquarelli Symonds, 2010), với chiến lược phát triển như trên, Hồng Kông đã có thể huy động thêm các nguồn lực ngoài nước để đầu tư, nâng cao chất lượng giáo dục.

Gắn kết kế hoạch phát triển giáo dục của đặc khu với xu hướng phát triển ở bên ngoài qua việc đa dạng hóa các loại hình đào tạo, kiểm soát chất lượng và thực hiện quốc tế hóa trong GDĐH được xem là yếu tố tác động tích cực đến giáo dục và tốc độ phát triển kinh tế, thương mại, khoa học và công nghệ (Lai, 2018). Chính việc xây dựng môi trường học thuật có

tính quốc tế với chiến lược mở rộng hợp tác với các đối tác bên ngoài đã giúp Hồng Kông dần khẳng định chất lượng quốc tế nền giáo dục của mình, đây cũng là yếu tố thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển trở thành nơi có nền kinh tế cạnh tranh nhất trong khu vực và thế giới.

## **2.2. Xây dựng văn hóa chất lượng trong quản trị đại học**

Hồng Kông đã trải qua nhiều cuộc cải cách giáo dục khác nhau nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, để thực hiện cải cách Hồng Kông không hoàn toàn loại bỏ cũ mà khéo léo kết hợp giữa cũ và mới, giữa văn hóa Á Đông và phương Tây để tạo nên nền giáo dục với những nét rất đặc thù. Đổi mới được thực hiện dựa trên nghiên cứu để tham khảo các mô hình giáo dục của phương Đông như Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc hay phương Tây như Mỹ, Úc, Canada (Katherine và cộng sự, 2016), những kinh nghiệm và thành công ở các quốc gia này được sử dụng như nguồn cảm hứng để từng bước cải tiến nhằm đạt được các tiêu chuẩn chung của quốc tế. Điều này cho thấy, Hồng Kông không ngừng cập nhật những thành công ở bên ngoài để điều chỉnh, thay đổi hệ thống giáo dục của mình nhằm đảm bảo tính cập nhật, thực tiễn với nhu cầu và đặc điểm riêng nhưng vẫn bắt kịp với xu hướng phát triển và tiêu chuẩn chung của thế giới.

Xây dựng văn hóa chất lượng dựa trên những tiêu chuẩn quốc tế thể hiện rõ nét qua văn hóa với quan điểm “cạnh tranh là tiền đề dẫn đến xuất sắc” (Mok, 2017). Quan niệm này đã khiến các trường đại học luôn trong tình trạng liên tục cải tiến để trở thành trường đại học xuất sắc, vận hành dựa trên những tiêu chuẩn quốc tế và cam kết thực hiện các quy tắc đạo đức trong đào tạo (Pastiglione và Jung, 2017). Sự “xuất sắc” được thể hiện qua vị trí xếp hạng của trường dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế như hiệu suất nghiên cứu, chất lượng giảng dạy và chuyển giao sản phẩm phục vụ cộng đồng. Việc đánh giá chất lượng hay đánh giá mức độ “xuất sắc” của trường được rà soát và giám sát bởi Ủy ban Tài trợ Đại học

(UGC), Ủy ban Đảm bảo chất lượng (QRC), Hội đồng Tài trợ nghiên cứu (RGC) hay Tổ chức trung lập Ipsos MORI. Các tổ chức hoạt động độc lập, được tách ra khỏi công tác quản lý đào tạo, mỗi ban có nhiệm vụ cụ thể trong việc kiểm định nhằm thực hiện các trách nhiệm đối với người học, người dân và chính quyền. Kết quả đánh giá và kiểm định sẽ quyết định đến việc dừng hoặc tiếp tục được đào tạo, đây cũng là yếu tố ảnh hưởng đến nguồn ngân sách và sự hỗ trợ của nhà nước cấp cho trường, kết quả kiểm định sau cùng sẽ phải công bố cho xã hội và vì vậy sẽ quyết định đến uy tín của trường đối với niềm tin của công chúng.

Sự đa dạng trong cơ chế giám sát và đánh giá này khiến GDDH Hồng Kông ở cả trường công và tư luôn trong tình trạng tự chủ, tự giác và trách nhiệm trong việc tham gia kiểm định để đảm bảo chất lượng dạy học. Các trường cũng phải thực hiện các cơ chế quản lý thích hợp để nâng cao hiệu suất và chất lượng nghiên cứu, đặc biệt các nghiên cứu quốc tế để cung cấp những dịch vụ, sản phẩm thiết thực vào chuyên ngành hoặc cộng đồng (Postiglione và Jung, 2017) để tồn tại và khẳng định uy tín của mình.

### 2.2.1. Trong lĩnh vực nghiên cứu

Chất lượng được đánh giá qua danh tiếng học thuật với số lượng các công bố quốc tế, số lần trích dẫn, tính mới và đóng góp của nghiên cứu vào thực tiễn... Những tiêu chuẩn có tính quốc tế đã định hướng cho mọi chiến lược phát triển ở các trường đại học, nguồn lực ở các trường luôn có hạn, do vậy, để cùng phát triển, các trường đại học ở Hồng Kông huy động nguồn lực bằng cách mở rộng mạng lưới hợp tác với các trường khác (cho dù đối tác này đang là đối thủ cạnh tranh) để phát huy tối đa những nguồn lực có sẵn nhằm tăng năng lực cạnh tranh cho trường mình. Tinh thần hợp tác và chính trực trong nghiên cứu đã đưa đến những thay đổi rất lớn qua số lượng công bố khoa học ở các tạp chí có chỉ số ISI của Hồng Kông tăng từ 999 vào năm 1999 lên 10.533 vào 2011 (thống kê của ISI Web of Science, được trích dẫn bởi Jung, 2012)

### 2.2.2. Giảng dạy

Với mục tiêu đào tạo, phát triển sinh viên trở thành công dân toàn cầu, Hồng Kông đặt nặng trọng tâm vào mục tiêu và nội dung. Trước tiên là cấu trúc chương trình với thiết kế thể hiện độ rộng và đa ngành của chương trình đào tạo, ngoài những học phần liên quan chuyên ngành, giáo dục khai phóng hay giáo dục đại cương luôn là phần bắt buộc của tất cả các chương trình GDDH với mục đích phát triển độ rộng và độ sâu trí tuệ của người học. Do vậy, sinh viên ở các ngành phải học các môn khoa học và công nghệ, các học phần học tập suốt đời, kỹ năng giao tiếp, nhận thức toàn cầu hóa, văn hóa và bản sắc, đa văn hóa, giáo dục xuyên văn hóa (Yin và cộng sự, 2015), suy nghĩ sáng tạo. Ngoài ra, từ 1999 chính quyền đã thực hiện cải cách GDDH để hướng tới mục tiêu “phát triển toàn diện” người học và “thói quen học tập suốt đời” (Cabau, 2014), các phương pháp dạy học nhằm đáp ứng các nhu cầu học tập khác biệt, dạy sinh viên học cách học “learning to learn” và tự hoàn thiện bản thân được đề cao. Đến năm 2012, Hồng Kông tăng thời gian học đại học từ 3 lên 4 năm để sinh viên có thêm thời gian trải nghiệm. Với những hành động này, người học không chỉ được phát triển về năng lực nghề nghiệp mà còn phát triển trở thành những cá nhân có năng lực thích ứng, tồn tại trong môi trường đầy biến đổi, đáp ứng nhu cầu của xã hội về năng lực của một công dân toàn cầu.

### 2.2.3. Chuyển giao sản phẩm phục vụ cộng đồng

Hồng Kông nỗ lực phát triển giáo dục nhằm sở hữu nguồn nhân lực chất lượng, làm chủ vốn trí tuệ trong việc đáp ứng yêu cầu đang nổi lên trong bối cảnh toàn cầu hóa. Việc chuyển giao công nghệ, sản phẩm, dịch vụ tới cộng đồng luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu để thực hiện trách nhiệm xã hội. Số lượng và chất lượng của các chuyển giao cũng là yếu tố quyết định đến nguồn hỗ trợ được nhận từ Ủy ban Hỗ trợ Đại học hay Phòng Công nghệ Kỹ thuật và Đổi mới của Hồng Kông. Chính sách này không những áp lực đến các trường trong việc sáng tạo để nâng

cao chất lượng cuộc sống, phát triển cộng đồng mà còn là yêu cầu để các trường tối ưu tiềm năng nguồn nhân lực để tạo ra vốn trí tuệ trong nền kinh tế tri thức, tham gia vào quá trình phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

### **2.3. Tự chủ, trách nhiệm, minh bạch trong quản lý**

Các trường đại học công ở Hồng Kông thường nhận sự hỗ trợ tài chính từ ngân sách và họ được giao quyền tự chủ rất cao. Vì nhận hỗ trợ hay chính xác hơn là từ tiền thuế của dân, do vậy, một mặt các trường hoàn toàn tự chủ trong hoạt động đào tạo, mặt khác họ vẫn chịu sự giám sát của Phòng Giáo dục và Nhân lực để đảm bảo thuế của dân được sử dụng hiệu quả. Cùng là trường công nhưng giữa các trường sẽ nhận mức hỗ trợ khác nhau tùy vào hiệu suất và hiệu quả của hoạt động đào tạo (Mok, 2017). Việc đánh giá chất lượng và hiệu quả được thực hiện công khai, minh bạch và do các chuyên gia bên ngoài thực hiện với những tiêu chí đo lường cụ thể. Kết quả đánh giá về chất lượng và hiệu quả hoạt động được công bố công khai trong trường, qua các phương tiện thông tin khác để người dân cùng biết. Yêu cầu và hình thức làm này đã kích thích và áp lực các trường trong công tác quản lý để đảm bảo hiệu quả và chất lượng hoạt động của cơ sở.

Thêm vào đó, trách nhiệm và minh bạch của GDDH Hồng Kông đối với xã hội được thể hiện qua môi trường học thuật. Đây được đánh giá là nơi tốt nhất trong khu vực thu hút các học giả, các nhà khoa học hàng đầu thế giới, là địa điểm mọi người có thể tự do tiếp cận với thông tin, sản phẩm khoa học và trao đổi các vấn đề liên quan học thuật một cách dễ dàng. Điều kiện này thể hiện trách nhiệm của giáo dục đối với xã hội trong việc đem tri thức và sản phẩm đến với mọi người, phát huy tính công khai, rõ ràng, trách nhiệm đối với các bên liên quan.

Mặt khác, môi trường làm việc ở Hồng Kông có tính quốc tế với yếu tố đa văn hóa hiện diện, mặc dù có nhiều khác biệt về quốc tịch và văn hóa giữa những giảng viên - nhân viên ở các trường

luôn có sự phối hợp và chia sẻ trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động của trường. Đặc điểm này đã phát huy tiềm năng, tài năng, sự quyết tâm và trách nhiệm của các thành viên trong tổ chức khi cùng tham gia vào quá trình phát triển trường. Đây là kết quả của những nỗ lực trong quản lý, của quá trình xây dựng văn hóa chất lượng và quá trình thực hiện các giá trị cốt lõi dựa trên nền tảng của trách nhiệm, tôn trọng và phát triển bền vững.

### **3. Bài học tham khảo để phát triển GDDH Việt Nam**

Hồng Kông khá khiêm tốn về lãnh thổ và tài nguyên nhưng lại là một trong những nơi có chất lượng GDDH tốt nhất trên thế giới. Có nhiều yếu tố tác động đến thành tích này, trong đó liên quan đến sự gắn kết giữa chiến lược phát triển với xu hướng phát triển của thế giới, có cơ chế quản trị đại học đề cao văn hóa chất lượng và trách nhiệm. Việt Nam đang nỗ lực hướng tới tự chủ đại học và đang phấn đấu để có 1 trường đại học lọt vào top 200 trên thế giới vào năm 2020, những thành công trong quản trị GDDH ở Hồng Kông sẽ là những kinh nghiệm quý giá để tham khảo trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

#### **3.1. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, kiểm soát chất lượng hơn số lượng**

Nền kinh tế tri thức hiện nay yêu cầu các cá nhân phải liên tục nâng cấp năng lực của mình qua nhiều loại hình đào tạo khác nhau, phù hợp với nhu cầu và đặc điểm cá nhân, hiện nay Việt Nam đang có sự nở rộ về các loại hình đào tạo và các trường được giao quyền tự chủ khá cao. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng đào tạo cũng như đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc thành lập một cơ quan độc lập có nhiệm vụ giám sát, đánh giá và kiểm định chất lượng đào tạo nên là ưu tiên hàng đầu hơn tập trung vào kiểm soát số lượng. Hoạt động của cơ quan này nên được tách biệt khỏi hoạt động đào tạo để đảm bảo với xã hội về tính trung lập, quá trình giám sát và đánh giá các cơ sở đào tạo cần được thực hiện một cách công khai, trách nhiệm và kết quả cần công bố

tới toàn xã hội. Việc làm này không chỉ đảm bảo tính khách quan trong việc đánh giá chất lượng mà còn thể hiện trách nhiệm của trường trong việc sử dụng nguồn lực, mở ngành đào tạo, tuyển sinh và đảm bảo chất lượng của ngành được mở, đây cũng là nguồn để xã hội tham gia thực hiện xã hội hóa giáo dục, đầu tư vào những cơ sở đào tạo có chất lượng.

### **3.2. Áp dụng tiêu chuẩn quốc tế để đo lường chất lượng đào tạo**

Mỗi hệ thống giáo dục có những đặc điểm và đặc trưng riêng nhưng tất cả đều nhắm tới thực hiện những nhiệm vụ cơ bản gồm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao sản phẩm phục vụ cộng đồng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, nền giáo dục của một nước không thể hội nhập với thế giới và được thế giới công nhận nếu không đáp ứng các tiêu chuẩn chung, kinh nghiệm của Hồng Kông cho thấy, chính quyền đã chủ động tham khảo và sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế để định hướng cho việc phát triển GDĐH. Do vậy, để hội nhập được với khu vực và thế giới, GDĐH Việt Nam cần tham chiếu các tiêu chuẩn và tiêu chí của quốc tế để đo lường chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo, cụ thể trong lĩnh vực giảng dạy (thể hiện qua năng lực của người học), nghiên cứu (thể hiện qua các công bố, trích dẫn quốc tế) và chuyển giao sản phẩm phục vụ cộng đồng (thể hiện qua tính ứng dụng thực tiễn) để từng bước cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực hội nhập để cạnh tranh với các hệ thống giáo dục khác.

### **3.3. Thực hiện quốc tế hóa giáo dục cùng với đào tạo để xây dựng những giá trị cốt lõi để phát triển bền vững**

Hồng Kông đã rất thống nhất trong việc xác định mục tiêu GDĐH, nội dung, phương pháp, đánh giá và tạo dựng môi trường học tập. Nhằm thực hiện quốc tế hóa giáo dục và đào tạo người học trở thành những công dân toàn cầu, Hồng Kông không chỉ điều chỉnh để đưa các nội dung, phương pháp dạy học nhằm phát triển kỹ năng và phẩm chất của người học (giáo dục khai phóng, giáo dục đa văn hóa, xuyên văn hóa, học tập suốt đời...) mà còn linh hoạt tạo môi trường học

tập mở, nuôi dưỡng và phát huy năng lực thực hành của công dân toàn cầu (kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, kỹ năng hợp tác, tôn trọng sự khác biệt-văn hóa, chính trực trong học thuật...). Quốc tế hóa giáo dục là một trong những mục tiêu quan trọng của các cơ sở đào tạo ở Việt Nam, tuy nhiên, để đảm bảo tính bền vững trong phát triển thì việc xây dựng văn hóa trường học với yếu tố quốc tế và trang bị cho người học những giá trị cốt lõi của một công dân toàn cầu là việc làm cần được đầu tư thực hiện hiện nay.

### **3.4. Xác định chiến lược phát triển dựa vào đặc thù của địa phương và xu hướng của thế giới**

Hồng Kông không tách biệt hoạt động giáo dục đào tạo với bên ngoài, họ luôn nắm bắt những thay đổi xung quanh, từ đó xác định tiềm lực đang có để chuẩn hóa đào tạo. Điều này cho thấy, việc tham khảo mô hình đào tạo ở bên ngoài rất quan trọng cho việc nâng cao khả năng hội nhập của GDĐH ở Việt Nam, tham khảo nhưng không áp dụng một cách cứng nhắc, tham khảo để xác định chiến lược phát triển phù hợp với thực tiễn, yêu cầu của địa phương nhưng không cách biệt với các yêu cầu chung của thế giới, như vậy GDĐH mới có thể thực tế, cập nhật để dần khẳng định vị thế của mình trong nền giáo dục toàn cầu./.

### **Tài liệu tham khảo**

- Cabau, B. (2014). Higher Education Ambitions and Societal Expectations. *Athens Journal of Education, Vol. 1*(2), 143-154.
- Jung., J.(2012). Faculty Research Productivity in Hong Kong across Academic Discipline. *Journal of Higher Education Studies, Vol. 2*(4); 1-13.
- Katherine, F; BobAdamson; Christine, H & Paul, M. (2016). Referencing and Borrowing from Other Systems: The Hong Kong Education Reforms. *Educational Research*. DOI: 10.1080/00131881.2016.1165411
- Lai, L.L. (2018). Global world, global mind: Narratives of the University of Hong Kong Worldwide Exchange students.

- Transformation in Higher Education*. 3(0), a42, 1-18. <https://doi.org/10.4102/the.v3i0.42>
- Mok, K. H. (2017). Asserting Institutional Autonomy and Addressing Accountability: The Changing University Governance in Hong Kong. Working Paper. Truy cập từ [https://www.ln.edu.hk/rche/files/Working\\_Paper\\_on\\_University\\_Governance.pdf](https://www.ln.edu.hk/rche/files/Working_Paper_on_University_Governance.pdf).
- OECD. Tổng hợp từ số liệu thống kê kết quả PISA trong giai đoạn từ 2009 đến 2015. Truy cập từ <http://factsmaps.com/pisa-worldwide-ranking-average-score-of-math-science-reading/>.
- Postiglione, A. Gerard; Jung. J. (2017). The Changing Academic Profession in Hong Kong. *Springer International Publishing*.
- Quacquarelli Symonds. (QS). Tổng hợp số liệu thống kê bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới từ 2010 đến 2018. Truy cập từ <https://www.topuniversities.com/university-rankings>
- Times Higher Education. Tổng hợp số liệu thống kê bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới năm 2017, 2018, 2019. Truy cập từ <https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings>
- William Yat Wai Lo & Felix Sai Kit Ng (2013). A Critical Reflection on Internationalization of Higher Education in Hong Kong: The Search for a Cosmopolitan Alternative. *Asia Pacific Journal of Educational Development*; Vol. 2(1), p37-46
- World Bank. (2015). School Gross Enrollment Rate: Tertiary. Truy cập từ <http://data.worldbank.org/indicator/SE.TER.ENRR/countries>.
- Yin Cheong Cheng; Alan Chi Keung Cheung & Shun Wing Ng (2015). Internationalization of Higher Education: The case of Hong Kong. *Springer International Publishing*.